TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thảo Vy và Ông Lý Khắc Chung

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2024/TLST.HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày và có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O do quen biết, tự tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 201, quyển số: 01/2010, ngày 06/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ

chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị O.

- *Về con chung:* Có 02 (hai) con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021. Hiện cháu Đ1 đang sống chung với ông Đ và ý kiến của cháu Đ1 muốn sống chung với ông Đ và bà O, còn cháu A thì đang sống chung với bà O. Khi ly hôn ông Trần Ngọc Đ đồng ý cho bà Trần Thị O được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**.Bị đơn bà Trần Thị O trình bày ý kiến như sau:*

Bà Trần Thị O thống nhất như đã trình bày của ông Trần Ngọc Đ là giữa bà Trần Thị O và ông Trần Ngọc Đ do quen biết, tự tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 201, quyển số: 01/2010, ngày 06/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị O. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc Đ bà Trần Thị O không đồng ý ly hôn vì quá trình sống chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Tuy nhiên thời gian gần đây, ông Đ nghe theo lời người khác tin vào mê tín dị đoan nên vợ chồng có xảy ra cải vả. Mặc dù gia đình hai bên có khuyên, vợ chồng nhiều lần hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ vẫn không thay đổi tính tình, mâu thuẫn vợ chồng cũng không đến mức trầm trọng. Cho nên, vì hạnh phúc gia đình, mong muốn đoàn tụ gia đình.

- *Về con chung:* Có 02 (hai) con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021. Hiện cháu Đ1 đang sống chung với ông Đ và ý kiến của cháu Đ1 muốn sống chung với ông Đ và bà O, còn cháu A thì đang sống chung với bà O. Khi ly hôn bà Trần Thị O yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Trần Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Giữa bà Trần Thị O và ông Trần Ngọc Đ tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

+ Ông Trần Ngọc Đ trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bà Trần Thị O trình bày: Giữ nguyên ý kiến như phần trình bày trên.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về hôn nhân*: Giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Trần Ngọc Đ yêu cầu xin ly hôn còn bà Trần Thị O yêu cầu đoàn tụ; nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà O cũng không đưa ra phương án để hàn gắn đoàn tụ. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc Đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Trần Thị O.

[3] *Về nuôi con chung*: Theo giấy khai sinh của Trần Ngọc Đ1, Trần Thị Trâm A và lời trình bày của ông Trần Ngọc Đ, bà Trần Thị O thì ông bà có con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021. Cháu Đ1 hiện đang sống chung với ông Đ, ý kiến của cháu Đ1 muốn sống chung với ông Đ và bà O; cháu A hiện đang sống chung với bà O. Bà Trần Thị O yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung được bà Trần Thị O giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, ông Đ cũng đồng ý cho bà O được nuôi con chung nên bà Trần Thị O yêu cầu được nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021 cho bà Trần Thị O được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Ngọc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị O và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị O không được cản trở ông Trần Ngọc Đ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trần Thị O không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O trình bày tài sản chung và nợ chung giữa ông Đ và bà O tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Ông Trần Ngọc Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 201, quyển số: 01/2010, ngày 06/9/2010 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 02 (hai) con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021.

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 07/5/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 13/8/2021 cho bà Trần Thị O được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Ngọc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị O và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị O không được cản trở ông Trần Ngọc Đ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Bà Trần Thị O không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc Đ và bà Trần Thị O trình bày tài sản chung và nợ chung giữa ông và bà O tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005609 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.. Ông Trần Ngọc Đ đã nộp đủ.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Võ Việt Nam